

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09-01-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái* tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 238/2022/TLST–HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/QĐST- HNGĐ ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Phan Hữu P**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Ngọc K, xã Ngọc M, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đồng D, xã An P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-8-2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Phan Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Hoàng Thị M kết hôn trên vào ngày 18-02-2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ngọc M, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4-2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không còn hòa hợp, vợ chồng sống ly thân. Đến nay xác định tình cảm không còn, anh Phúc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh và chị M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 30-11-2022 bị đơn Hoàng Thị M trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như anh P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến nay chị mới biết việc anh P nộp đơn yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý vì chị đang mang thai khoảng 5 tuần tuổi cần sự ổn định về tâm lý, sức khỏe và tinh thần.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc chị M đang mang thai nhưng chị M không giao nộp. Đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho anh Phan Hữu P được ly hôn với chị Hoàng Thị M.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: anh Phan Hữu P và chị Hoàng Thị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc M, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2022 ngày 18-02-2022. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn, vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau đồng thời cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn Đ, xã An P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Mặt khác, không có căn cứ xác định chị Hoàng Thị M đang mang thai, việc anh Phúc yêu cầu ly hôn với chị M là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: các đương sự xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: anh Phan Hữu P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* anh Phan Hữu P được ly hôn với chị Hoàng Thị M.

2. *Về án phí:* anh Phan Hữu P phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002469 ngày 04-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh P đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA